

**CỤC THUẾ
THUẾ TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 676 /DLA-NVDTPC
V/v tuyên truyền chính sách thuế đối với
HKD theo quy định tại Nghị định số
68/2026/NĐ-CP và hồ sơ, thủ tục QLT
theo Thông tư số 18/2026/TT-BTC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 12 tháng 3 năm 2026

Kính gửi: Các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh
trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân và Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ về việc ban hành kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW. Theo đó, việc nộp thuế theo phương pháp khoán sẽ chính thức được xóa bỏ kể từ ngày 01/01/2026. Toàn bộ hộ kinh doanh (HKD), cá nhân kinh doanh (CNKD) sẽ thực hiện kê khai, nộp thuế theo phương pháp kê khai hoặc chuyển đổi sang mô hình doanh nghiệp.

Ngày 05/3/2026 Chính phủ ban hành Nghị định số 68/2026/NĐ-CP quy định về chính sách thuế và quản lý thuế đối với HKD, CNKD; Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 18/2026/TT-BTC ngày 05/3/2026 quy định về hồ sơ, thủ tục quản lý thuế đối với HKD, CNKD. Đề HKD, CNKD trên địa bàn tỉnh nắm được các quy định của pháp luật về chính sách thuế khi chuyển đổi sang nộp thuế theo phương pháp kê khai; Thuế tỉnh tuyên truyền, phổ biến một số nội dung như sau:

**I. MỤC ĐÍCH VÀ LỢI ÍCH CỦA VIỆC CHUYỂN ĐỔI PHƯƠNG
PHÁP TÍNH THUẾ**

1. Mục đích

- Việc chuyển đổi từ phương pháp thuế khoán sang phương pháp tự kê khai thuế, giúp HKD, CNKD phản ánh đúng tình hình kinh doanh, đảm bảo tính công bằng và minh bạch trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế.
- Hiện đại hóa công tác quản lý thuế, tăng cường tính minh bạch và tạo cơ sở dữ liệu đồng bộ thông qua ứng dụng công nghệ thông tin, đảm bảo phù hợp với bối cảnh nền kinh tế số hiện nay.
- Tạo ra sự bình đẳng trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế giữa HKD, CNKD, góp phần nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật người nộp thuế.

2. Lợi ích khi chuyển đổi phương pháp kê khai

- Việc HKD, CNKD thực hiện kê khai thuế hằng tháng hoặc hằng quý dựa trên sổ sách kế toán, hóa đơn và chứng từ rõ ràng sẽ giúp HKD, CNKD hoạt động minh bạch và chuyên nghiệp hơn.
- HKD, CNKD được chủ động trong việc tự kê khai, tự xác định số thuế phải nộp mà không bị ảnh hưởng bởi doanh thu của năm trước và mức khoán do cơ quan Thuế xác định.

- Việc kê khai đầy đủ trên sổ sách giúp HKD, CNKD dễ dàng chứng minh doanh thu, chi phí và lợi nhuận rõ ràng với ngân hàng hoặc đối tác; giúp quá trình vay vốn hoặc huy động thêm nguồn đầu tư trở nên thuận lợi hơn.

- Giúp HKD, CNKD nâng cấp năng lực quản trị, chuyên nghiệp hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh; từ đó có thể tiếp cận và tham gia các chuỗi cung ứng lớn và phát triển bền vững hơn.

- Khi chuyển sang cơ chế tính thuế theo kê khai doanh thu thực tế và hóa đơn điện tử, cơ quan quản lý nhà nước sẽ có đủ căn cứ để xây dựng các chính sách hỗ trợ, hoạch định chính sách phát triển kinh tế tư nhân một cách thực chất.

II. CHÍNH SÁCH THUẾ ĐỐI VỚI HKD, CNKD NỘP THUẾ THEO PHƯƠNG PHÁP KÊ KHAI

1. Điều kiện để thực hiện phương pháp kê khai thuế

- HKD, CNKD phải kiểm tra, cập nhật thông tin đăng ký thuế, ngành nghề, địa chỉ, địa điểm kinh doanh.

- HKD, CNKD đăng ký, sử dụng hóa đơn điện tử đối với trường hợp:

+ Có doanh thu tính thuế GTGT từ 01 tỷ đồng/năm trở lên theo quy định.

+ Có doanh thu tính thuế GTGT trên 500 triệu đồng/năm đến dưới 01 tỷ đồng/năm nếu đáp ứng điều kiện về công nghệ thông tin (CNTT) và có nhu cầu sử dụng hóa đơn điện tử thì đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử với cơ quan Thuế.

+ HKD, CNKD mới ra kinh doanh hoặc HKD, CNKD có doanh thu tính thuế GTGT năm trước chưa đến 01 tỷ đồng nhưng trong năm tính thuế có doanh thu tính thuế GTGT từ 01 tỷ đồng trở lên thì phải áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan Thuế, hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan Thuế. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử trong thời gian 30 ngày kể từ ngày cuối cùng của kỳ tính thuế có doanh thu tính thuế giá trị gia tăng lũy kể từ 01 tỷ đồng trở lên.

- HKD, CNKD kê khai, nộp thuế trên các ứng dụng của ngành Thuế như: Hệ thống thông tin giải quyết TTHC (<https://dichvucong.gdt.gov.vn>); Ứng dụng Etax Mobile.

- HKD, CNKD bắt buộc phải theo dõi sổ sách, đối chiếu doanh thu và lưu giữ chứng từ theo hướng dẫn tại Thông tư số 152/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ Tài chính.

2. Quy định về kê khai thuế

- HKD, CNKD phải đăng ký tài khoản thuế điện tử để khai thuế, nộp thuế trực tuyến với CQT.

- HKD, CNKD phải sử dụng mẫu biểu và kê khai thuế theo quy định tại Thông tư số 18/2026/TT-BTC ngày 05/3/2026 của Bộ Tài chính.

- HKD, CNKD có doanh thu trên 500 triệu đồng/năm thực hiện khai, nộp thuế theo tháng/quý theo quy định.

2.1. Đối với HKD, CNKD có doanh thu từ 500 triệu đồng/năm trở xuống

- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh: Không phải nộp thuế giá trị gia tăng (GTGT); không phải nộp thuế thu nhập cá nhân (TNCN); phải nộp các loại thuế, phí khác theo quy định của các loại thuế, phí đó (nếu có).

- Có trách nhiệm **thông báo doanh thu thực tế cho cơ quan thuế** theo quy định (chậm nhất ngày 31/01 của năm dương lịch tiếp theo).

Ví dụ: HKD, CNKD sẽ thông báo doanh thu thực tế năm 2026 cho cơ quan Thuế chậm nhất là ngày 31/01/2027.

Lưu ý: Không phải nộp thuế **không đồng nghĩa** với việc không thực hiện thủ tục thuế.

2.2. Đối với HKD, CNKD có doanh thu trên 500 triệu đồng/năm

- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh: Phải nộp thuế GTGT; phải nộp thuế TNCN; phải nộp các loại thuế, phí khác theo quy định của các loại thuế, phí đó (nếu có).

- Thực hiện kê khai, nộp thuế theo tháng/quý theo quy định.

* Phương pháp tính thuế:

Mức doanh thu	Thuế GTGT	Thuế TNCN
Trên 500 triệu đồng đến 03 tỷ đồng	Tỷ lệ % x Doanh thu	Lựa chọn: - Thuế suất x Doanh thu tính thuế (là phần vượt trên 500tr) Hoặc: - Thuế suất 15% x Thu nhập tính thuế (= Doanh thu - chi phí)
Trên 03 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng	Tỷ lệ % x Doanh thu	Thuế suất 17% x Thu nhập tính thuế (= Doanh thu - chi phí)
Trên 50 tỷ đồng	Tỷ lệ % x Doanh thu	Thuế suất 20% x Thu nhập tính thuế (= Doanh thu - chi phí)

Trường hợp HKD, CNKD có doanh thu trên 03 tỷ đồng hoặc có doanh thu năm trên 500 triệu đồng đến 03 tỷ đồng đang áp dụng phương pháp tính thuế thu nhập cá nhân theo thuế suất nhân (x) thu nhập tính thuế thì thực hiện ổn định phương pháp tính thuế trong 02 năm liên tục kể từ năm đầu tiên áp dụng.

Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu năm trên 500 triệu đồng đến 03 tỷ đồng đang áp dụng phương pháp tính thuế thu nhập cá nhân theo thuế suất nhân (x) doanh thu tính thuế, nếu hết năm xác định doanh thu thực tế năm trên 03 tỷ đồng thì từ năm tiếp theo phải chuyển sang áp dụng phương pháp tính thuế thu nhập cá nhân theo phương pháp thuế suất nhân (x) thu nhập tính thuế.

* **Tỷ lệ % để tính thuế GTGT:** Căn cứ vào ngành nghề kinh doanh tỷ lệ % tính thuế GTGT được xác định như sau:

Nhóm ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ % để tính thuế GTGT
----------------------------	---------------------------

Phân phối, cung cấp hàng hóa	1%
Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu	5%
Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu	3%
Hoạt động kinh doanh khác	2%

* **Thuế suất thuế TNCN:** HKD, CNKD có doanh thu năm trên 500 triệu đồng đến 03 tỷ đồng lựa chọn nộp thuế TNCN trên doanh thu thì căn cứ ngành nghề kinh doanh, thuế suất thuế TNCN được xác định như sau:

Nhóm ngành nghề kinh doanh	Thuế suất thuế TNCN
Phân phối, cung cấp hàng hóa	0.5%
Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu	2%
Hoạt động cho thuê tài sản, đại lý bảo hiểm, đại lý xổ số, đại lý bán hàng đa cấp	5%
Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu	1,5%
Hoạt động cung cấp sản phẩm và dịch vụ nội dung thông tin số về giải trí, trò chơi điện tử, phim số, ảnh số, nhạc số, quảng cáo số	5%
Hoạt động kinh doanh khác	1%

Lưu ý: Đối với HKD, CNKD có nhiều ngành nghề, nhiều địa điểm (trừ hoạt động cho thuê bất động sản) thì việc tính thuế như thế nào?

- Trường hợp cá nhân có nhiều ngành, nghề kinh doanh áp dụng các mức thuế suất thuế TNCN khác nhau hoặc có nhiều địa điểm kinh doanh thì cá nhân được áp dụng mức trừ 500 triệu đồng trước khi tính thuế TNCN đối với một hoặc một số ngành, nghề kinh doanh hoặc địa điểm kinh doanh do cá nhân lựa chọn theo phương án có lợi nhất, nhưng tổng mức trừ không vượt quá 500 triệu đồng/năm đối với doanh thu của toàn bộ hoạt động kinh doanh theo quy định.

- Trường hợp doanh thu từ ngành, nghề kinh doanh hoặc địa điểm kinh doanh được lựa chọn chưa trừ đủ 500 triệu đồng, cá nhân được trừ tiếp mức chưa trừ hết vào doanh thu của một hoặc một số ngành, nghề kinh doanh hoặc địa điểm kinh doanh khác cho đến khi tổng mức trừ đủ 500 triệu đồng.

2.3. Đối với hộ, cá nhân kinh doanh cho thuê bất động sản

- Thuế GTGT = Doanh thu x 5%.

- Thuế TNCN = (Doanh thu - 500 triệu đồng) x 5%.

- Trường hợp cá nhân có nhiều BĐS cho thuê ở các địa điểm khác nhau, cá nhân được trừ 500 triệu đồng trước khi tính thuế thu nhập cá nhân đối với một hoặc một số hợp đồng cho thuê BĐS do cá nhân lựa chọn nhưng tổng mức được trừ không quá 500 triệu đồng một năm đối với tất cả hợp đồng cho thuê bất động sản. Trường hợp hợp đồng cho thuê BĐS được lựa chọn chưa trừ đủ 500 triệu

đồng, cá nhân được tiếp tục lựa chọn các hợp đồng cho thuê BĐS khác để được trừ tiếp cho đến khi trừ đủ 500 triệu đồng.

- Trường hợp cá nhân có nhiều BĐS cho thuê ở các địa điểm khác nhau và có quy định bên đi thuê khai thay, nộp thay thuế, khi lựa chọn hợp đồng cho thuê BĐS để áp dụng mức được trừ khi tính thuế thu nhập cá nhân, cá nhân cho thuê BĐS và bên đi thuê phải quy định rõ trong hợp đồng cho thuê bất động sản nội dung khai thay, nộp thay thuế và số tiền được trừ khi tính thuế thu nhập cá nhân. Trường hợp hợp đồng cho thuê BĐS có quy định khai thay, nộp thay thuế nhưng chưa trừ đủ 500 triệu đồng thì cá nhân được tiếp tục lựa chọn các hợp đồng cho thuê BĐS khác để tiếp tục được trừ cho đến khi trừ đủ 500 triệu đồng.

2.4. Hồ sơ, thủ tục quản lý thuế của HKD, CNKD: Thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 18/2026/TT-BTC ngày 05/3/2026 của Bộ Tài chính.

3. Sổ sách kế toán: Thực hiện theo Thông tư số 152/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán cho các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, trong đó quy định cụ thể các hình thức nộp thuế tương ứng với từng loại sổ kế toán như sau:

Hình thức nộp thuế	Tên sổ kế toán	Mẫu sổ kế toán
Doanh thu từ 500 triệu đồng trở xuống (không chịu thuế GTGT và TNCN)	Sổ doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	S1a-HKD
Nộp thuế GTGT và thuế TNCN theo tỷ lệ % trên doanh thu	Sổ doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	S2a-HKD
Nộp thuế GTGT theo tỷ lệ % trên doanh thu và thuế TNCN trên thu nhập tính thuế	- Sổ doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ - Sổ chi tiết doanh thu, chi phí - Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, hàng hóa - Sổ chi tiết tiền	S2b-HKD S2c-HKD S2d-HKD S2e-HKD
Có hoạt động chịu các loại thuế khác (Thuế XNK, TTĐB, Tài nguyên, BVMT...)	Sổ theo dõi nghĩa vụ thuế khác	S3a-HKD

4. Doanh thu để xác định thuế TNCN và thời điểm xác định doanh thu

4.1. Doanh thu: Là toàn bộ tiền bán hàng, tiền gia công, tiền cung ứng dịch vụ kể cả trợ giá, phụ thu, phụ trội mà HKD, CNKD được hưởng, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền, bao gồm cả:

- Các khoản thưởng được nhận.
- Khoản được nhận từ hỗ trợ đạt doanh số, khuyến mại, chiết khấu thanh toán.

- Khoản hỗ trợ được nhận bằng tiền hoặc không bằng tiền.
- Các khoản bồi thường vi phạm hợp đồng, bồi thường khác liên quan đến hoạt động kinh doanh.
- Doanh thu khác mà CNKD được nhận không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền, không bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và giá trị hàng bán bị trả lại.

4.2. Thời điểm xác định doanh thu

- Đối với hoạt động bán hàng hóa là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng hàng hóa cho người mua;
- Đối với hoạt động cung ứng dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ hoặc hoàn thành từng phần việc cung ứng dịch vụ cho người mua.

5. Các khoản chi được trừ, không được trừ

5.1. Các khoản chi được trừ: Là các khoản chi phí thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, có đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về hóa đơn, chứng từ, pháp luật về kế toán và chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với các khoản thanh toán từng lần có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên theo pháp luật về thuế GTGT, cụ thể như sau:

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, hàng hóa sử dụng vào sản xuất, kinh doanh;
- Chi phí tiền lương, tiền công, tiền thưởng, các khoản phụ cấp, bảo hiểm bắt buộc và các khoản chi trả cho người lao động có đóng bảo hiểm bắt buộc theo quy định; chi phí tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp và các khoản chi trả cho người lao động dưới 01 tháng;
- Chi phí khấu hao tài sản cố định phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh. Mức trích khấu hao tài sản cố định được tính vào chi phí hợp lý theo quy định về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định áp dụng đối với doanh nghiệp. Trường hợp tài sản cố định đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn tiếp tục được sử dụng cho sản xuất, kinh doanh thì không được trích khấu hao;
- Chi phí dịch vụ mua ngoài như điện, nước, điện thoại, internet, vận chuyển, thuê tài sản, sửa chữa, bảo dưỡng có hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật;
- Chi phí trả lãi tiền vay vốn sản xuất, kinh doanh của tổ chức tín dụng theo lãi suất thực tế. Chi phí trả lãi tiền vay vốn sản xuất, kinh doanh của đối tượng không phải là tổ chức tín dụng không vượt quá mức quy định tại Bộ luật Dân sự;
- Các khoản chi khác phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất, kinh doanh.

5.2. Các khoản chi không được trừ

- Khoản chi không liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh;
- Các khoản chi không có đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật;
- Khoản tiền lương, tiền công và các khoản chi có tính chất tiền lương của cá nhân kinh doanh, nhóm cá nhân kinh doanh, các thành viên trong hộ kinh doanh

trừ các khoản đóng góp bảo hiểm bắt buộc; khoản tiền lương, tiền công và các khoản chi có tính chất tiền lương đã tính vào chi phí nhưng thực tế không chi trả hoặc không có chứng từ thanh toán;

- Phần chi khấu hao tài sản cố định vượt mức quy định hoặc khấu hao đối với tài sản cố định không sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh;

- Các khoản chi phạt vi phạm hành chính, phạt vi phạm hợp đồng, tiền bồi thường do lỗi của cá nhân kinh doanh;

- Đất ở và công trình phục vụ sinh hoạt trên đất, xe ô tô và các tài sản đăng ký sở hữu hoặc đăng ký sử dụng mang tên cá nhân, trừ xe ô tô và các tài sản đăng ký sở hữu hoặc đăng ký sử dụng với mục đích kinh doanh vận tải, du lịch;

- Các khoản chi phí phục vụ nhu cầu cá nhân, gia đình. Cá nhân kinh doanh có trách nhiệm theo dõi riêng chi phí phục vụ hoạt động kinh doanh và chi phí phục vụ nhu cầu cá nhân, gia đình.

6. Hóa đơn điện tử

- Doanh thu từ 01 tỷ đồng/năm trở lên: **Bắt buộc** sử dụng hóa đơn điện tử;

- Doanh thu trên 500 triệu đến dưới 01 tỷ đồng: Không bắt buộc, được đăng ký nếu có nhu cầu.

Doanh thu	Hóa đơn điện tử (HDDT)	Tần suất kê khai	Thời hạn kê khai
Doanh thu từ 500 triệu đồng trở xuống	Không thuộc diện sử dụng (bao gồm cả đề nghị CQT cấp hóa đơn điện tử có mã theo từng lần phát sinh)	- 01 lần/năm - HKD mới bắt đầu kinh doanh: + Có hoạt động sản xuất, kinh doanh trong 06 tháng đầu năm: Thông báo doanh thu thực tế phát sinh kể từ khi bắt đầu đến hết ngày 30/6 với CQT quản lý trực tiếp, chậm nhất là ngày 31/7 và thông báo doanh thu thực tế phát sinh trong 06 tháng cuối năm chậm nhất là ngày 31/01 của năm dương lịch tiếp theo. + Bắt đầu hoạt động sản xuất, kinh doanh trong 06 tháng cuối năm: Thông báo doanh thu thực tế phát sinh chậm nhất là ngày 31/01 của năm dương lịch tiếp theo. - Mới bắt đầu hoạt động	Chậm nhất ngày 31/01 năm dương lịch tiếp theo. - HKD mới bắt đầu kinh doanh: + Kinh doanh trong 6 tháng đầu năm: Khai chậm nhất ngày 31/7 năm tính thuế. + Kinh doanh trong 6 tháng cuối năm: Khai chậm nhất ngày 31/01 năm dương lịch tiếp theo.

		SXKD, khi có DT lũy kế > 500 triệu: khai, nộp thuế kể từ quý phát sinh DT>500 triệu.	
Doanh thu trên 500 triệu đồng đến 03 tỷ đồng	- Trên 500 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng: Không bắt buộc sử dụng. Trường hợp đáp ứng điều kiện về CNTT và có nhu cầu sử dụng HĐĐT thì đăng ký sử dụng HĐĐT có mã của cơ quan Thuế hoặc HĐĐT khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan Thuế. Nếu có nhu cầu cấp hóa đơn theo từng lần phát	- Thuế GTGT: Khai, nộp thuế GTGT theo quý. - Thuế TNCN: + HKD, CNKD lựa chọn nộp thuế thu nhập cá nhân theo phương pháp thuế suất nhân (x) doanh thu tính thuế thực hiện khai, nộp thuế theo quý. + Trường hợp HKD, CNKD chọn nộp thuế TNCN trên thu nhập tính thuế: Khai tạm nộp thuế TNCN theo quý trên cùng hồ sơ khai thuế GTGT và khai quyết toán thuế TNCN theo năm.	- Chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng đầu tiên của quý tiếp theo. - Khai QTT TNCN theo năm: Chậm nhất là ngày 31/3 năm dương lịch tiếp theo.
Doanh thu trên 03 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng	sinh thì được CQT cấp hóa đơn theo từng lần phát sinh, đồng thời phải khai, nộp đầy đủ số thuế phát sinh trên hóa đơn.	- Thuế GTGT: Khai, nộp thuế GTGT theo quý. - Thuế TNCN: Khai tạm nộp thuế TNCN theo quý trên cùng hồ sơ khai thuế GTGT và khai quyết toán thuế TNCN theo năm.	- Chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng đầu tiên của quý tiếp theo. - Khai QTT TNCN theo năm: Chậm nhất là ngày 31/3 năm dương lịch tiếp theo.
Doanh thu trên 50 tỷ đồng	- Doanh thu trên 01 tỷ đồng: Sử dụng HĐĐT có mã của cơ quan Thuế hoặc HĐĐT khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan Thuế.	- Thuế GTGT: Khai, nộp thuế GTGT theo tháng. - Thuế TNCN: Khai tạm nộp thuế TNCN theo tháng trên cùng hồ sơ khai thuế GTGT và khai quyết toán thuế TNCN theo năm.	- Chậm nhất là ngày thứ 20 của tháng tiếp theo tháng phát sinh nghĩa vụ thuế. - Khai QTT TNCN theo năm: Chậm nhất là ngày 31/3 năm dương lịch tiếp theo.
Cá nhân trực tiếp khai thuế từ hoạt động cho thuê BĐS		Được lựa chọn phương thức khai thuế: - 02 lần/năm Hoặc - 01 lần/năm	- Nếu 02 lần/năm: + Lần 1: Chậm nhất 31/7. + Lần 02: Chậm nhất 31/1 năm dương lịch tiếp theo. - Nếu 01 lần/năm: Chậm nhất 31/1 năm dương lịch tiếp theo.

7. Hình thức, địa điểm khai, nộp thuế

Đối tượng	Hình thức khai, nộp thuế	Địa điểm khai thuế, nộp thuế
HKD, CNKD có 1 địa điểm kinh doanh.	- Hình thức khai: + Điện tử hoặc + Hồ sơ giấy (trực tiếp hoặc qua bưu chính) đối với các trường hợp sau: + NNT có hoàn cảnh đặc biệt (người cao tuổi, người khuyết tật, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người cư trú tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn). + Thuộc trường hợp bất khả kháng khác, không thể thực hiện giao dịch điện tử.	- Cơ quan thuế quản lý địa điểm kinh doanh. Hoặc - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã. - Cơ quan thuế quản lý trực tiếp trụ sở kinh doanh của HKD, CNKD theo giấy chứng nhận ĐKKD hoặc trên tờ khai đăng ký thuế đối với CNKD. - Nộp thuế cho từng địa điểm kinh doanh. - NNT khai tổng hợp chung cho các địa điểm kinh doanh trên 01 hồ sơ khai thuế để nộp cho cơ quan Thuế quản lý trực tiếp trụ sở của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.
HKD, CNKD nộp thuế TNCN theo phương pháp thuế suất nhân (x) doanh thu tính thuế.		- HKD, CNKD kê khai doanh thu và số thuế GTGT, thuế TNCN phải nộp theo từng địa điểm kinh doanh.
HKD, CNKD nộp thuế thu nhập cá nhân theo phương pháp thu nhập tính thuế nhân (x) thuế suất.		- HKD, CNKD kê khai doanh thu từng địa điểm kinh doanh. - Nộp thuế GTGT theo từng địa điểm kinh doanh, nộp thuế TNCN tại trụ sở kinh doanh (trụ sở chính).
HKD, CNKD chỉ có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số và không có địa điểm kinh doanh.		- Cơ quan Thuế quản lý địa bàn nơi HKD, CNKD cư trú; nơi ở hiện tại; nơi tạm trú hoặc nơi thường trú.
Cá nhân có hoạt động cho thuê BĐS.		- Cơ quan Thuế nơi có BĐS cho thuê.
Cá nhân có nhiều BĐS cho thuê trên cùng địa bàn một tỉnh, thành phố hoặc khác tỉnh, thành phố.		- Khai thuế tổng hợp chung cho các BĐS trên 01 hồ sơ khai thuế và lựa chọn 01 cơ quan thuế nơi có bất động sản cho thuê để nộp hồ sơ khai thuế trừ trường hợp tổ chức đi thuê khai thay, nộp

		thay. - Cá nhân thực hiện kê khai doanh thu, số thuế GTGT, thuế TNCN phải nộp và nộp thuế theo từng địa điểm nơi có bắt động sản cho thuê.
--	--	---

*** Thông báo địa điểm kinh doanh:** HKD, CNKD có địa điểm kinh doanh ngoài trụ sở chính thì thực hiện thông báo địa điểm kinh doanh với cơ quan thuế quản lý trực tiếp trụ sở của HKD, CNKD trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày địa điểm kinh doanh đi vào hoạt động;

Trường hợp HKD, CNKD thay đổi thông tin, tạm ngừng, chấm dứt hoạt động đối với địa điểm kinh doanh thì thực hiện thông báo đến cơ quan Thuế quản lý trực tiếp trụ sở của HKD, CNKD trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi thông tin, tạm ngừng, chấm dứt hoạt động theo quy định tại Thông tư số 18/2026/TT-BTC ngày 5/3/2026 của Bộ Tài chính.

8. Hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số

- Hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác có chức năng đặt hàng trực tuyến và chức năng thanh toán: Chủ quản nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số có trách nhiệm khấu trừ, khai thay và nộp thay số thuế đã khấu trừ.

- Hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác không có chức năng đặt hàng trực tuyến và chức năng thanh toán: HKD, CNKD tự kê khai, nộp thuế theo quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10 Nghị định số 68/2026/NĐ-CP.

Đối với cá nhân không cư trú có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác không có chức năng đặt hàng trực tuyến và chức năng thanh toán có trách nhiệm tự kê khai, nộp thuế theo quy định tại Nghị định số 117/2025/NĐ-CP ngày 09/06/2025 của Chính phủ và không phải thông báo doanh thu thực tế phát sinh trong năm với cơ quan thuế, không phải thực hiện quyết toán thuế thu nhập cá nhân theo quy định tại Điều 8, Điều 10 Nghị định số 68/2026/NĐ-CP.

- HKD, CNKD vừa có hoạt động kinh doanh tại địa điểm kinh doanh cố định vừa có kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số nếu có doanh thu tổng hợp trên 03 tỷ đồng hoặc có doanh thu năm trên 500 triệu đồng và lựa chọn khai thuế TNCN theo phương pháp thu nhập tính thuế nhân (x) thuế suất thì HKD, CNKD thực hiện tổng hợp doanh thu để khai quyết toán thuế TNCN theo năm. Số thuế TNCN đã được chủ quản nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khấu trừ, nộp thay được trừ khi xác định số thuế TNCN phải nộp.

9. Tạm ngừng, chấm dứt hoạt động kinh doanh

- Tạm ngừng hoạt động kinh doanh: Hộ kinh doanh thuộc đối tượng phải đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp thì thực

hiện thủ tục tạm ngừng hoạt động kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

Trường hợp không phải đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp nhưng đã đăng ký thuế với cơ quan thuế thì người nộp thuế gửi thông báo đến cơ quan quản lý thuế quản lý trực tiếp để cập nhật tình trạng “tạm ngừng kinh doanh” theo quy định của Bộ Tài chính.

- Trong thời gian tạm ngừng hoạt động kinh doanh: HKD, CNKD không phải nộp hồ sơ khai thuế, trừ trường hợp tạm ngừng không trọn tháng nếu khai thuế theo tháng hoặc tạm ngừng không trọn quý nếu khai thuế theo quý.

- Chấm dứt hoạt động kinh doanh: Phải thông báo doanh thu thực tế lũy kế từ đầu năm đến thời điểm chấm dứt hoạt động cùng hồ sơ chấm dứt hoạt động.

10. Xử lý tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa

- Trường hợp HKD, CNKD đã được tổ chức là chủ quản nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác trong nước hoặc nước ngoài có chức năng đặt hàng trực tuyến và chức năng thanh toán hoặc tổ chức, cá nhân khác thực hiện khấu trừ, khai thay và nộp thuế thay số thuế GTGT và thuế TNCN đối với các giao dịch phát sinh trong năm nhưng có doanh thu thực tế phát sinh của năm từ 500 triệu đồng trở xuống thì thực hiện thủ tục bù trừ, hoàn trả, hoàn trả kiêm bù trừ thu ngân sách theo quy định của pháp luật quản lý thuế đối với số thuế nộp thừa.

- Trường hợp HKD, CNKD đã nộp thuế GTGT, thuế TNCN đối với hoạt động kinh doanh nhưng có doanh thu thực tế phát sinh của năm từ 500 triệu đồng trở xuống thì thực hiện xử lý bù trừ, hoàn trả, hoàn trả kiêm bù trừ thu ngân sách theo quy định của pháp luật quản lý thuế đối với số thuế nộp thừa.

- Trường hợp HKD, CNKD có số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đã nộp hoặc được các tổ chức, cá nhân đã khấu trừ, nộp thay lớn hơn số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt phải nộp thì thực hiện xử lý bù trừ, hoàn trả, hoàn trả kiêm bù trừ thu ngân sách theo quy định của pháp luật quản lý thuế đối với số thuế nộp thừa.

- Hồ sơ đề nghị xử lý tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa, thẩm quyền, trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Nơi nộp hồ sơ hoàn thuế là cơ quan Thuế nơi nộp hồ sơ khai thuế. Trường hợp HKD, CNKD chỉ có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số đã được chủ quản nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số thực hiện khấu trừ, nộp thuế thay hoặc chỉ có hoạt động kinh doanh khác đã được tổ chức khác khấu trừ, khai thay, nộp thuế thay thì cơ quan tiếp nhận và giải quyết hồ sơ hoàn thuế là cơ quan thuế quản lý nơi chủ HKD, CNKD cư trú.

- Hồ sơ hoàn thuế của HKD, CNKD nộp cùng với hồ sơ khai thuế năm của HKD, CNKD. Hồ sơ, trình tự, thủ tục hoàn thuế thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý thuế và Thông tư số 18/2026/TT-BTC ngày 05/3/2026 của Bộ Tài chính.

11. Quyền và trách nhiệm của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh

- HKD, CNKD có các quyền sau đây: Yêu cầu cơ quan thuế hướng dẫn, giải đáp thắc mắc, hỗ trợ về khai thuế, tính thuế và nộp thuế; có các quyền của người nộp thuế theo quy định pháp luật về quản lý thuế.

- HKD, CNKD có trách nhiệm:

+ Tự kê khai đầy đủ, chính xác doanh thu phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh để xác định số thuế phải nộp theo quy định của pháp luật thuế và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã kê khai.

+ Thực hiện thông báo cho cơ quan thuế theo phương thức điện tử tất cả các số tài khoản mở tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, số hiệu ví điện tử mở tại tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán liên quan đến sản xuất, kinh doanh.

+ Sử dụng sổ kế toán theo quy định của pháp luật kế toán và hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính; sử dụng hóa đơn theo quy định.

+ Cung cấp sổ kế toán, hóa đơn, phần mềm quản lý bán hàng, tài liệu liên quan theo yêu cầu của cơ quan Thuế khi kiểm tra thuế.

+ Đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh cư trú có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, có trách nhiệm:

++ Kê khai và nộp thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường, thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường và các khoản thu khác phải nộp ngân sách nhà nước do cơ quan thuế quản lý thu theo quy định của pháp luật về thuế, pháp luật về quản lý thuế và pháp luật khác có liên quan.

++ Cung cấp đầy đủ, chính xác cho chủ quản nền tảng thương mại điện tử thông tin mã số thuế hoặc số định danh cá nhân đối với công dân Việt Nam; số hộ chiếu hoặc thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp đối với công dân nước ngoài và thông tin, tài liệu liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế phải nộp, các thông tin bắt buộc đối với người bán theo quy định của pháp luật về thương mại điện tử.

12. Trách nhiệm của cơ quan Thuế: Có trách nhiệm hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho HKD, CNKD, cụ thể:

- Cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, hướng dẫn chính sách thuế, thủ tục đăng ký, kê khai, nộp thuế bằng các hình thức phù hợp.

- Hướng dẫn sử dụng các ứng dụng, nền tảng kê khai, nộp thuế điện tử.

- Thiết lập các kênh hỗ trợ người nộp thuế như đường dây nóng, bộ phận tư vấn trực tiếp, phản hồi trực tuyến.

- Công khai quy trình, thời hạn giải quyết hồ sơ, biểu mẫu, tỷ lệ tính thuế, thuế suất, mức phạt (nếu có) để người nộp thuế dễ theo dõi và thực hiện.

- Kịp thời tiếp nhận và xử lý các ý kiến, phản ánh, vướng mắc từ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo đúng thời hạn quy định.

- Trường hợp kiểm tra, làm việc trực tiếp, cơ quan thuế phải thông báo trước, tránh gây ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của HKD, CNKD.

- Thực hiện quản lý thuế đối với HKD, CNKD theo nguyên tắc minh bạch thông tin, thuận tiện, không làm phát sinh thêm thủ tục, giấy tờ ngoài quy định của pháp luật.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ người nộp thuế trong nội bộ ngành; kịp thời chấn chỉnh, xử lý trường hợp cán bộ gây phiền hà, sách nhiễu hoặc thực hiện không đúng quy định, không được yêu cầu HKD, CNKD cung cấp lại thông tin, hồ sơ đã có trong hệ thống hoặc đã được cơ quan khác xác nhận.

13. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thay, khấu trừ thuế

- kê khai đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn doanh thu và số thuế phải nộp; nộp thuế vào ngân sách nhà nước theo quy định.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi chậm kê khai, chậm nộp, kê khai sai, khấu trừ hoặc nộp thuế không đúng quy định theo quy định của Luật Quản lý thuế.

- Trường hợp tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định của pháp luật thuế và pháp luật khác có liên quan thì bị xử lý theo quy định của Luật Quản lý thuế.

14. Trách nhiệm của UBND các cấp và trách nhiệm thi hành

14.1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Chỉ đạo các sở, ban, ngành và UBND cấp xã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh, quản lý HKD, CNKD và cung cấp thông tin cho cơ quan Thuế theo quy định;

- Chỉ đạo Sở Tài chính, các cơ quan cấp phép chuyên ngành và các đơn vị liên quan thiết lập, cập nhật và chia sẻ cơ sở dữ liệu HKD, CNKD với cơ quan Thuế; bảo đảm kết nối đồng bộ, chính xác giữa dữ liệu đăng ký kinh doanh và cơ sở dữ liệu thuế;

- Chỉ đạo cơ quan quản lý thị trường, công an, tài chính, thông tin và truyền thông, nội vụ và các cơ quan chuyên môn trực thuộc phối hợp với cơ quan Thuế trong kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh; phòng, chống thất thu thuế; xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về thuế và hoạt động kinh doanh;

- Bảo đảm nguồn lực, cơ sở hạ tầng kỹ thuật để triển khai hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử đối với HKD, CNKD trên địa bàn; chỉ đạo cơ quan chuyên môn hỗ trợ, hướng dẫn người nộp thuế sử dụng hóa đơn điện tử;

- Đôn đốc UBND cấp xã thực hiện rà soát, nắm chắc tình hình hoạt động của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trên địa bàn; bảo đảm việc cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, đúng thực tế cho cơ quan Thuế.

14.2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

- Phối hợp với cơ quan Thuế để rà soát, thu thập và cập nhật danh sách HKD, CNKD đang hoạt động trên địa bàn; phát hiện và thông báo kịp thời cho cơ quan Thuế các trường hợp: Bắt đầu kinh doanh, tạm ngừng, chấm dứt hoạt động,

thay đổi ngành nghề, địa điểm kinh doanh trên địa bàn, kinh doanh không đăng ký, kinh doanh trái phép, ngoài địa điểm được cấp phép;

- Phối hợp với cơ quan Thuế trong việc tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về thuế đến người dân, HKD, CNKD. Hỗ trợ công tác tuyên truyền lưu động, niêm yết thông tin, hướng dẫn người nộp thuế thực hiện kê khai, nộp thuế đúng quy định. Phản ánh các khó khăn, vướng mắc của người dân liên quan đến chính sách thuế đến cơ quan thuế để cùng phối hợp giải quyết;

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, cơ quan có liên quan trên địa bàn phối hợp và hỗ trợ cơ quan thuế theo thẩm quyền trong việc phát hiện, xác minh và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật thuế của HKD, CNKD khi có yêu cầu của cơ quan Thuế; bao gồm việc xác minh thông tin người nộp thuế, địa chỉ kinh doanh, quy mô hoạt động kinh doanh, số lượng hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, doanh thu, phối hợp lập biên bản vi phạm và cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan trên địa bàn theo quy định của pháp luật quản lý thuế và pháp luật có liên quan;

- Phối hợp với cơ quan thuế, quản lý thị trường, công an và các cơ quan liên quan trong việc kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý hành vi không đăng ký kinh doanh, kinh doanh không khai thuế, trốn thuế;

- Kiểm tra, giám sát và xử lý đối với các HKD, CNKD hoạt động kinh doanh tại các địa điểm kinh doanh trái phép, hoạt động tại địa điểm kinh doanh không đủ điều kiện theo quy định của pháp luật;

- Định kỳ báo cáo UBND cấp tỉnh thông qua đầu mối do tỉnh quy định về tình hình hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trên địa bàn; đề xuất biện pháp tăng cường quản lý, xử lý vướng mắc phát sinh;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của UBND cấp tỉnh và theo quy định của pháp luật để hỗ trợ công tác quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

14.3. Trách nhiệm thi hành

- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị định số 68/2026/NĐ-CP.

- Bộ Công Thương có trách nhiệm triển khai các giải pháp để quản lý toàn bộ hoạt động kinh doanh thương mại điện tử và phối hợp với Bộ Tài chính triển khai các giải pháp hỗ trợ chủ quản nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác thuộc đối tượng khấu trừ, khai thay, nộp thuế thay thực hiện theo quy định tại Nghị định số 68/2026/NĐ-CP.

- Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức triển khai các giải pháp hỗ trợ chủ quản nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác thuộc đối tượng khấu trừ, khai thay, nộp thuế thay theo quy định tại Nghị định số 68/2026/NĐ-CP.

- Cơ quan thuế thực hiện rà soát cơ sở dữ liệu của HKD, CNKD của năm 2025 để hướng dẫn:

- + HKD, CNKD đã thực hiện nộp thuế theo phương pháp khoán hoặc phương pháp kê khai trong năm 2025 có mức doanh thu trên 500 triệu đồng thực

hiện kê khai, nộp thuế của năm 2026 theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 68/2026/NĐ-CP;

+ HKD, CNKD đã nộp thuế theo phương pháp khoán hoặc phương pháp kê khai trong năm 2025, có doanh thu từ 500 triệu đồng trở xuống thực hiện thông báo doanh thu của năm 2026 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Nghị định số 68/2026/NĐ-CP.

- Đối với HKD, CNKD nộp thuế theo phương pháp khoán từ năm 2025 trở về trước và đã được xác định mức thuế khoán (bao gồm cả trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có thay đổi về quy mô sản xuất kinh doanh dẫn đến doanh thu khoán thuế thay đổi từ 50% trở lên) theo quy định của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành, khi chuyển sang thực hiện kê khai thuế kể từ ngày 01/01/2026, cơ quan thuế không sử dụng doanh thu khai thuế năm 2026 để xác định lại nghĩa vụ thuế các năm trước, không xử phạt vi phạm hành chính đối với các nghĩa vụ thuế đã thực hiện theo phương pháp khoán, trừ trường hợp cơ quan thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát hiện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có hành vi che giấu doanh thu dẫn đến thiếu số thuế phải nộp.

15. Điều khoản chuyển tiếp tại Nghị định số 68/2026/NĐ-CP và Thông tư số 18/2026/TT-BTC

15.1. Theo quy định tại Nghị định số 68/2026/NĐ-CP

- Trường hợp khai thuế theo tháng thì hồ sơ khai thuế của tháng 1, tháng 2, tháng 3 năm 2026 gửi cho cơ quan Thuế quản lý trực tiếp chậm nhất là ngày 20 tháng 4 năm 2026; các quy định về khai bổ sung hồ sơ khai thuế, gia hạn nộp hồ sơ khai thuế, gia hạn nộp thuế, trường hợp tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân và các nội dung quản lý thuế khác tiếp tục thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, Nghị định số 126/2020/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thực hiện cho đến khi có văn bản thay thế.

- Tờ khai khấu trừ thuế đối với hộ, cá nhân có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, Bảng kê chi tiết số thuế đã khấu trừ của hộ, cá nhân có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, Bảng kê chi tiết số tiền nộp thuế của chủ quản nền tảng thương mại điện tử, chứng từ khấu trừ thuế đối với hộ, cá nhân có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị định số 117/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ quy định quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số của hộ, cá nhân.

- Đối với các hợp đồng cho thuê bất động sản phát sinh trước thời điểm ngày 01/01/2026 và thời hạn còn lại của hợp đồng trên 06 tháng nếu đã nộp thuế GTGT, TNCN thì được điều chỉnh mức doanh thu không chịu thuế GTGT theo quy định tại khoản 1 Điều 3, mức doanh thu không phải nộp thuế TNCN quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 68/2026/NĐ-CP, trường hợp mức doanh thu còn lại trên 500 triệu đồng thì thực hiện nộp thuế theo quy định tại Nghị định số 68/2026/NĐ-CP và được xử lý tiền thuế đã nộp theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 68/2026/NĐ-CP (nếu có).

- Đối với HKD, CNKD trong năm 2025 nộp thuế theo phương pháp khoán hoặc phương pháp kê khai, có mức doanh thu từ 03 tỷ đồng trở lên hoặc từ năm 2026 lựa chọn nộp thuế TNCN theo phương pháp thu nhập tính thuế nhân (x) thuế suất thì HKD, CNKD thực hiện xác định, ghi nhận giá trị hàng tồn kho, máy móc, thiết bị đang phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh tại thời điểm ngày 31/12/2025 để làm căn cứ xác định chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập cá nhân cho kỳ tính thuế năm 2026.

HKD, CNKD lập Bảng kê hàng tồn kho, máy móc, thiết bị theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định, lưu giữ tại HKD, CNKD và gửi 01 bản cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp bằng phương thức điện tử cùng hồ sơ khai thuế quý I năm 2026 đối với trường hợp khai thuế theo quý hoặc chậm nhất là ngày 20 tháng 4 năm 2026 đối với trường hợp khai thuế theo tháng. Cơ quan Thuế tiếp nhận thông tin để phục vụ công tác quản lý thuế. Việc tiếp nhận bảng kê của cơ quan thuế không có giá trị pháp lý trong việc xác nhận hoặc hợp thức hóa nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa. HKD, CNKD chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác và đầy đủ của thông tin tại Bảng kê, trường hợp phát hiện vi phạm pháp luật thì xử lý theo quy định của pháp luật có liên quan.

15.2. Theo quy định tại Thông tư số 18/2026/TT-BTC

Đối với trường hợp đã kê khai, nộp thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 40/2021/TT-BTC ngày 01/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thì không điều chỉnh lại. Trường hợp chưa khai thuế thì thực hiện theo hồ sơ, thủ tục quy định tại Thông tư số 18/2026/TT-BTC ngày 05/3/2026 của Bộ Tài chính và không bị xử phạt.

III. MỘT SỐ THỜI ĐIỂM HKD, CNKD CẦN LƯU Ý ĐỂ THỰC HIỆN THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH 68/2026/NĐ-CP VÀ THÔNG TƯ 18/2026/TT-BTC

1. Chậm nhất ngày 20/4/2026 HKD, CNKD phải thực hiện

- Nộp hồ sơ khai thuế tháng 1, 2, 3 năm 2026 theo mẫu số 01/CNKD ban hành kèm theo Thông tư số 18/2026/TT-BTC ngày 05/3/2026 của Bộ Tài chính đối với trường hợp khai thuế theo tháng.

- Nộp bảng kê hàng hóa tồn kho theo mẫu số 01/BK-HTK ban hành kèm theo Thông tư số 18/2026/TT-BTC ngày 05/3/2026 của Bộ Tài chính đối với trường hợp khai thuế theo tháng.

- Gửi Thông báo số tài khoản/số hiệu ví điện tử theo mẫu số 01/BK-STK ban hành kèm theo Thông tư số 18/2026/TT-BTC ngày 05/3/2026 của Bộ Tài chính đối với HKD, CNKD đang hoạt động trong năm 2025 có mức doanh thu từ 500 triệu đồng trở xuống và HKD, CNKD đang hoạt động trong năm 2025 có mức doanh thu trên 500 triệu đồng và kê khai thuế theo tháng.

2. Chậm nhất ngày 30/4/2026 HKD, CNKD phải thực hiện

- Nộp hồ sơ khai thuế quý I/2026 theo mẫu số 01/CNKD ban hành kèm theo Thông tư số 18/2026/TT-BTC ngày 05/3/2026 của Bộ Tài chính đối với trường hợp khai thuế theo quý.

- Nộp bảng kê hàng hóa tồn kho theo mẫu số 01/BK-HTK ban hành kèm theo Thông tư số 18/2026/TT-BTC ngày 05/3/2026 của Bộ Tài chính đối với trường hợp khai thuế theo quý (Hồ sơ khai thuế quý I/2026).

- Gửi Thông báo số tài khoản/số hiệu ví điện tử theo Mẫu số 01/BK-STK ban hành kèm theo Thông tư số 18/2026/TT-BTC ngày 05/3/2026 của Bộ Tài chính đối với HKD, CNKD đang hoạt động trong năm 2025 có mức doanh thu trên 500 triệu đồng kèm theo tờ khai đầu tiên của năm 2026.

Trên đây là nội dung tuyên truyền, phổ biến chính sách thuế đối với HKD, CNKD theo quy định tại Nghị định số 68/2026/NĐ-CP ngày 05/3/2026 của Chính phủ và Thông tư số 18/2026/TT-BTC ngày 05/3/2026 của Bộ Tài chính. Thuế tỉnh Đắk Lắk gửi Công văn này đến các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trên địa bàn tỉnh để nghiên cứu, thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc xin vui lòng liên hệ cơ quan Thuế quản lý trực tiếp để được hướng dẫn, giải đáp. *[Chữ ký]*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Báo và PTHT Đắk Lắk (để p/h đưa tin);
- Lãnh đạo Thuế tỉnh;
- Văn phòng, các Phòng thuộc Thuế tỉnh;
- Các Thuế cơ sở thuộc Thuế tỉnh (để tuyên truyền);
- Website, Zalo Thuế tỉnh;
- Lưu: VT, NVDTPC.

TRƯỞNG THUẾ TỈNH



Nguyễn Anh Tuấn

